

Ngày 31/03/2024	13,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.7%	7.1%	13.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,200 - 14,550
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29,894
Số lượng CPLH (CP)	2,214,394,174
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,440,330
Sở hữu nước ngoài	5.9%
Beta	0.82
EPS	-619
P/E	-21.8

DT thuần  
Q1/24

27,964

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4,133| 17.3%

YoY: ▲ 4,470| 19.0%

LN trước thuế  
Q1/24

4,528

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6,448| 336%

YoY: ▲ 4,509| 23363%

LN sau thuế  
Q1/24

4,441

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6,423| 324%

YoY: ▲ 4,478| 12006%

ROA  
2023

-10.0%

+/- YoY: ▲ 8.2%

DT thuần  
2023

91,540

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 21,130| 30.0%

LN trước thuế  
2023

-5,363

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5,582| 51.0%

LN sau thuế  
2023

-5,632

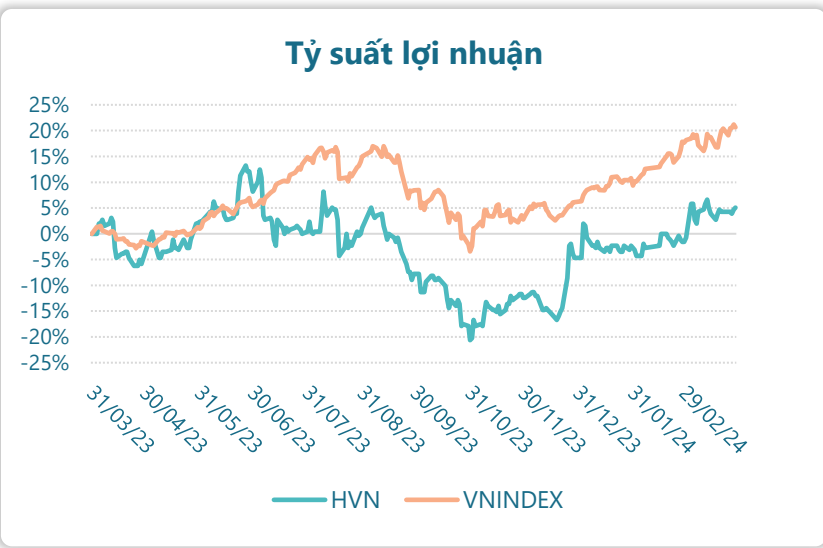
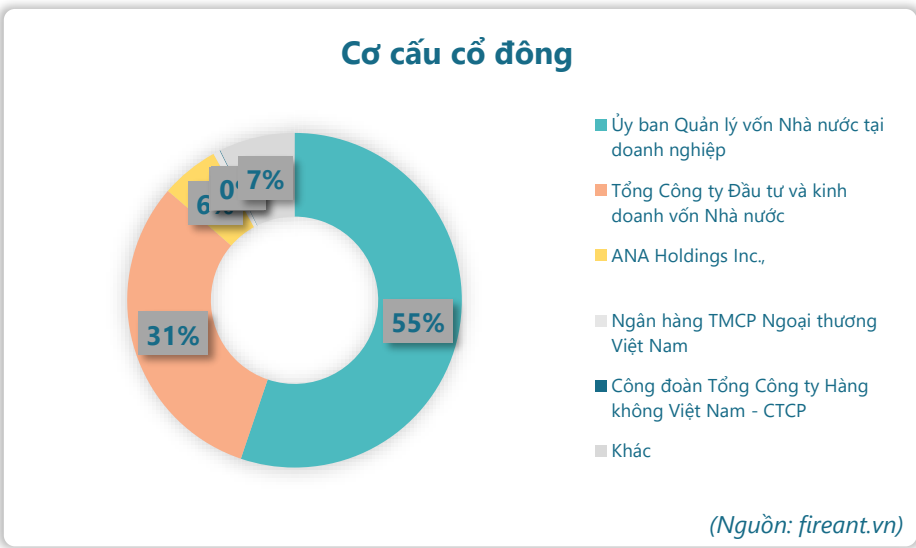
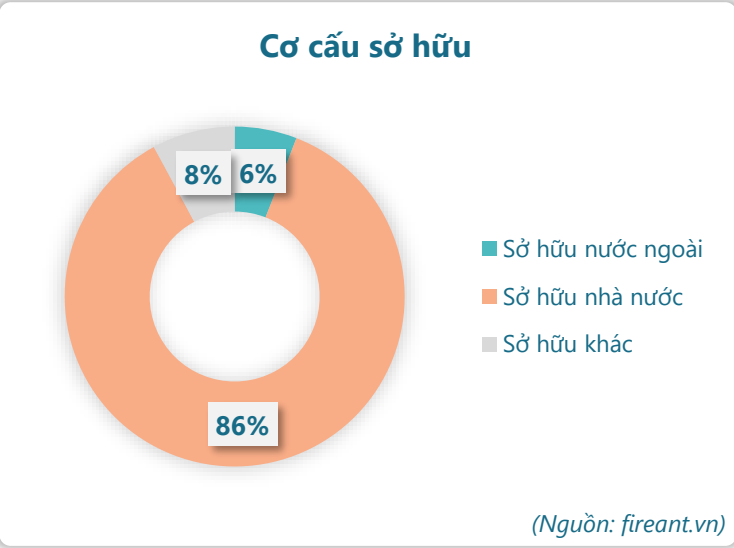
tỷ VNĐ

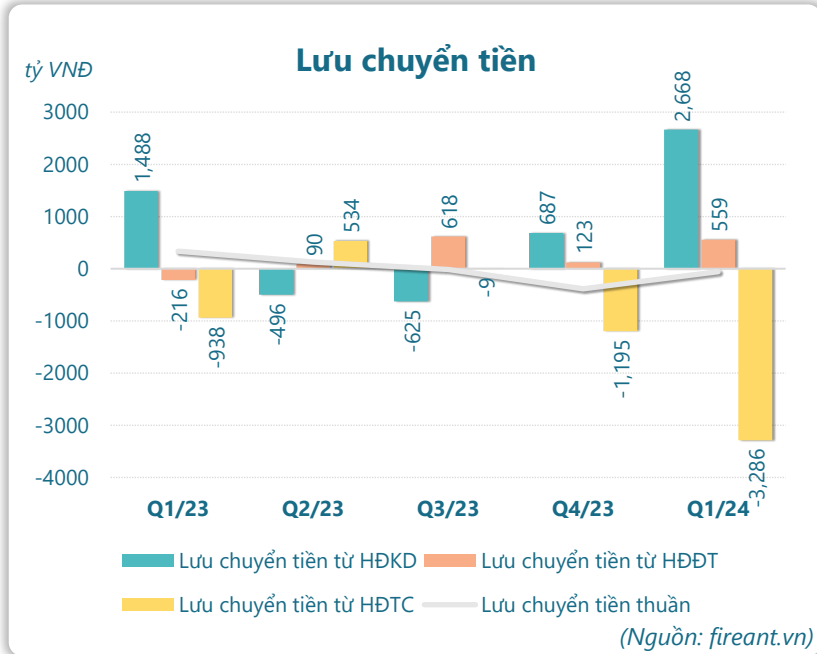
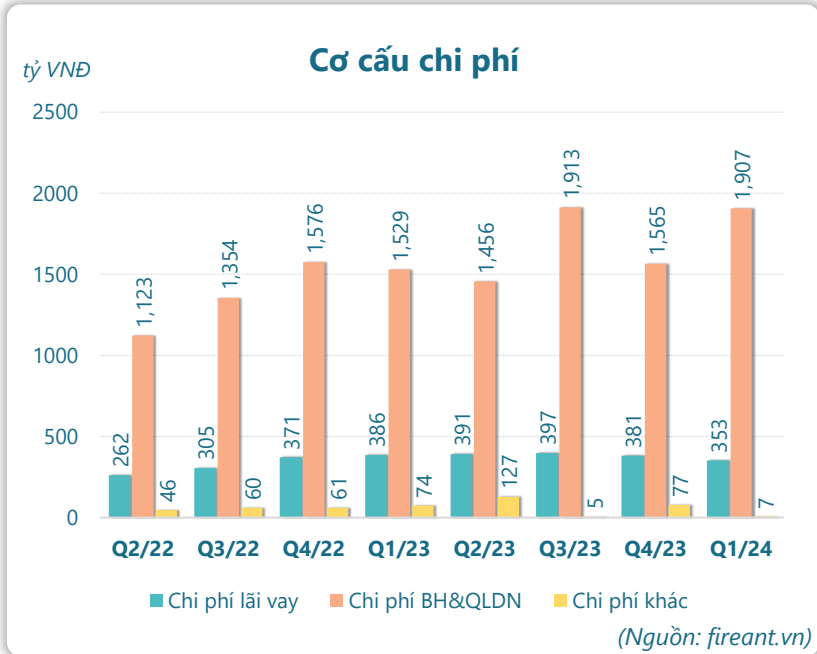
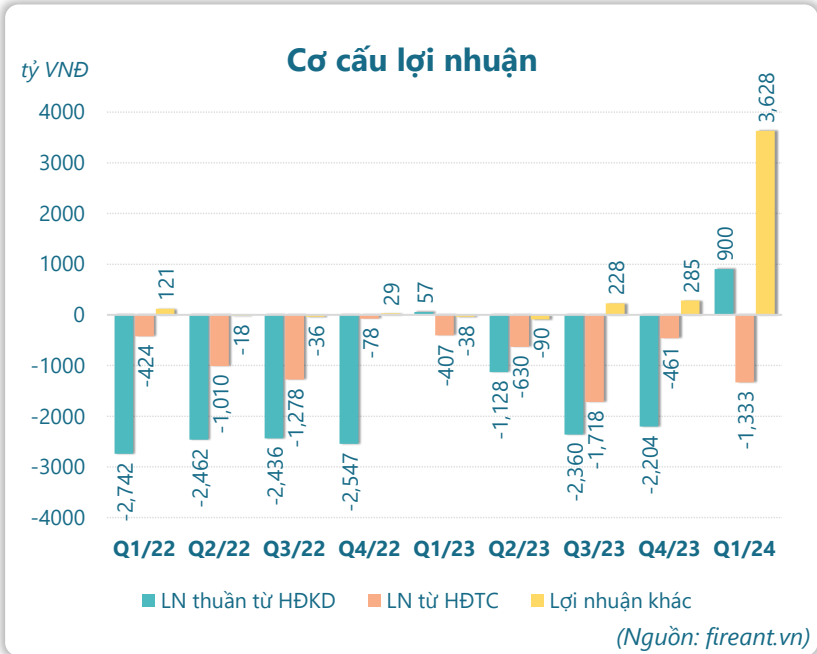
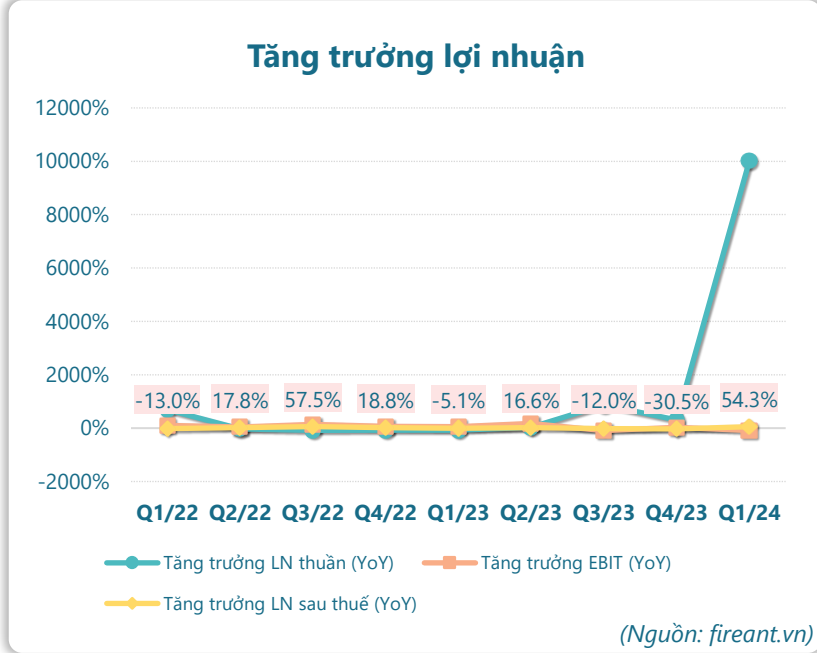
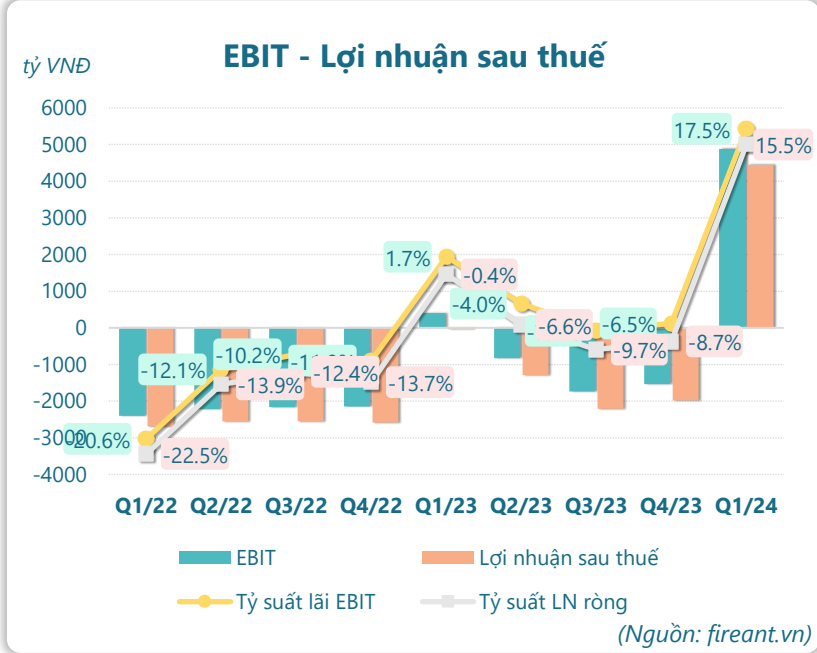
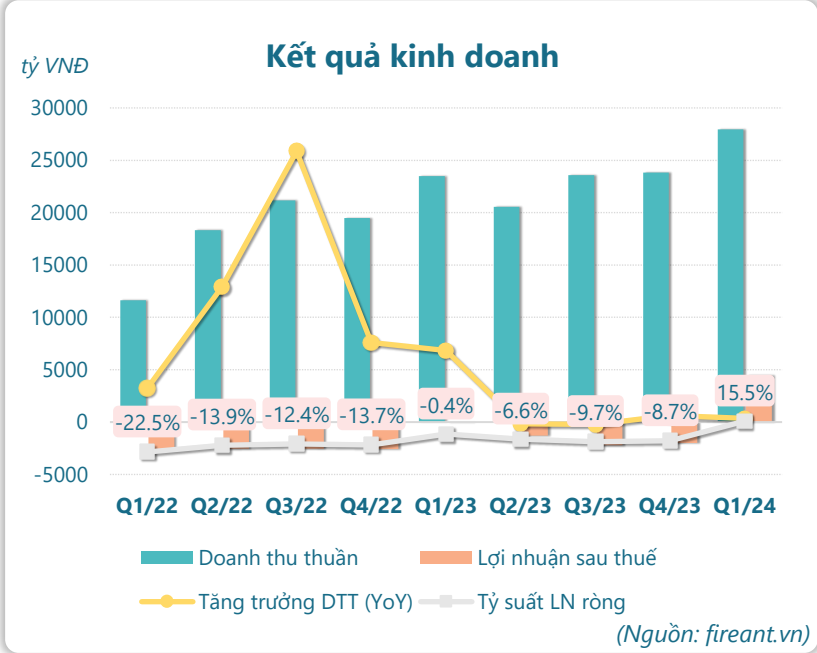
YoY: ▲ 5,591| 49.8%

ROE  
2023

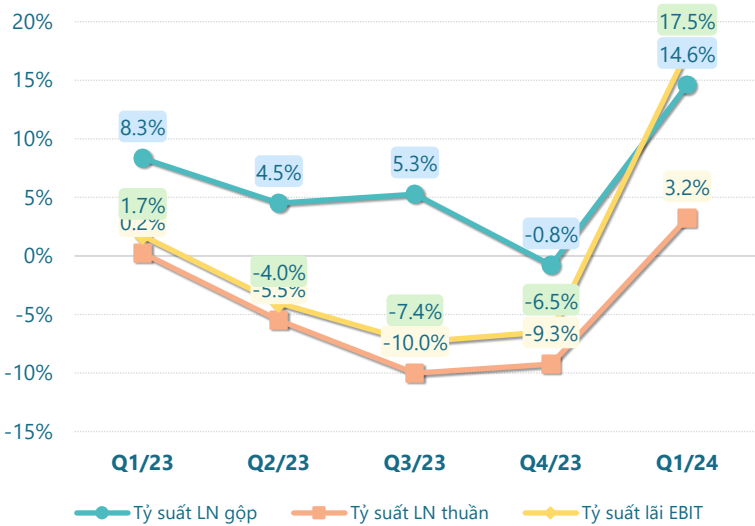
42.2%

+/- YoY: ▼ 172%



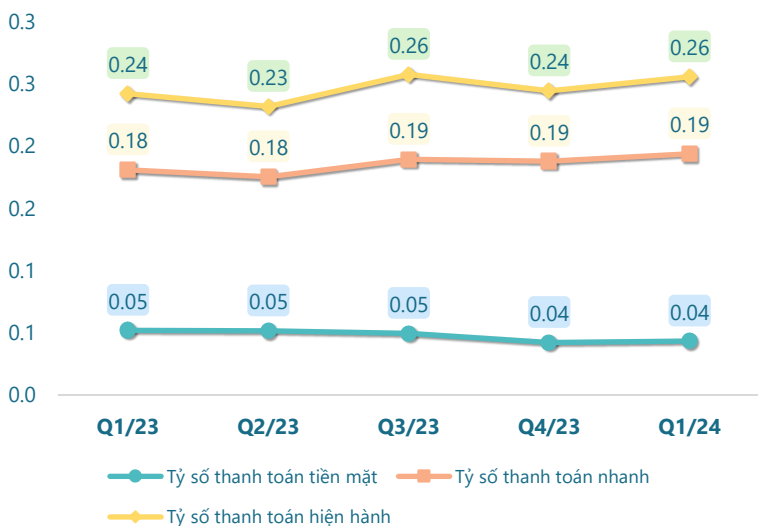


Tỷ suất lợi nhuận



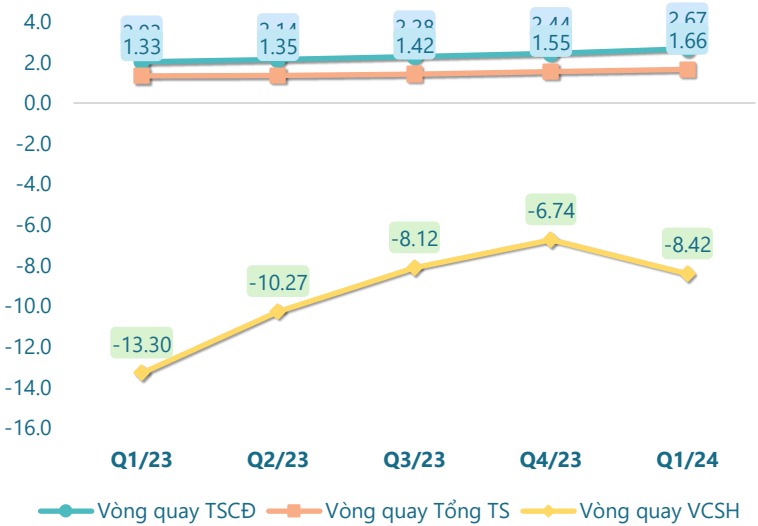
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



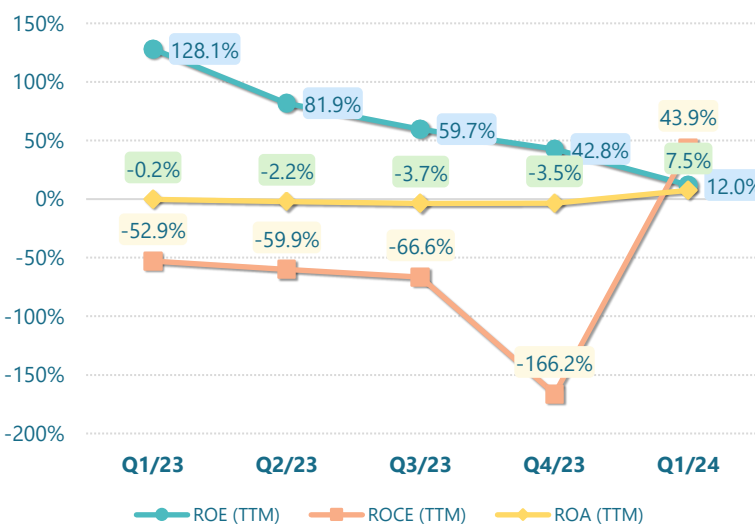
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



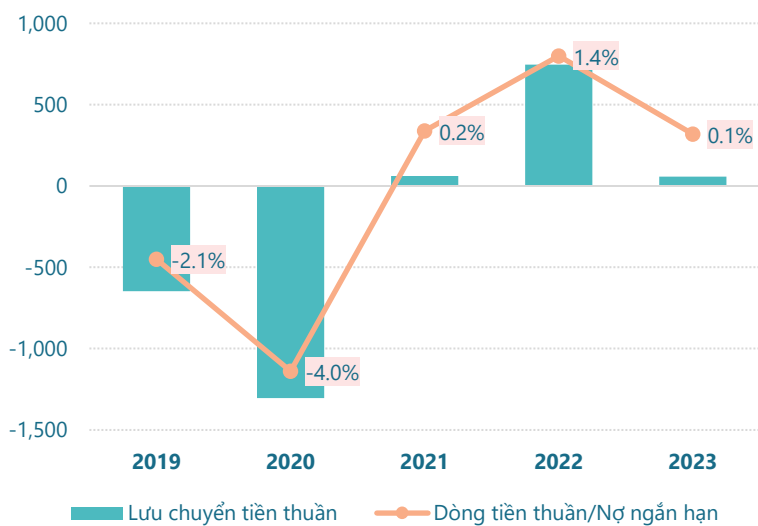
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



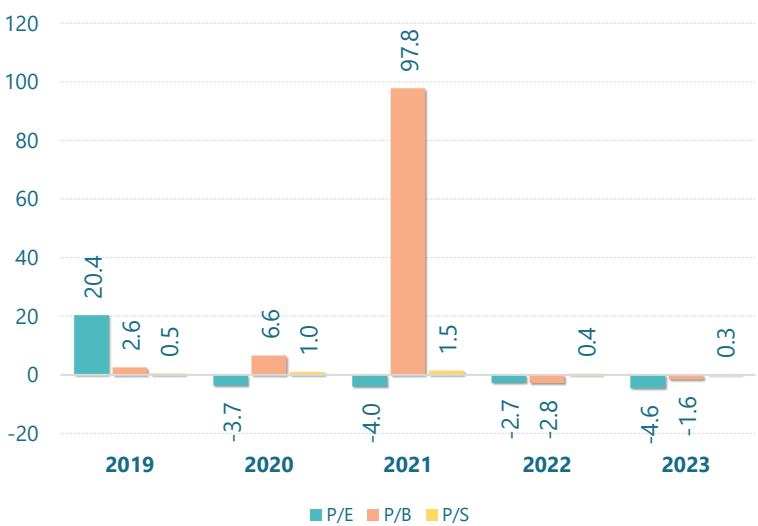
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)